

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **106/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-9-2023

“Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Danh Út Nhỏ.

Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc *“Tranh chấp về ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Danh Chành T, sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Danh Chành T trình bày:

Trước đây giữa chị và anh Trần Văn P có thời gian quen biết, tìm hiểu tình cảm với nhau và đi đến kết hôn vào năm 2011, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đến ngày 07/3/2011 được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2011. Chị và anh Trần Văn P chung sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng chị và anh P không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, anh P thường ghen tuông vô cớ và đã đánh chị hai lần, từ đó giữa anh chị thường xuyên gây gổ với nhau, chị đã nhiều lần khuyên nhưng không được, đến nay chị và anh P không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Từ năm 2021 đến nay chị và anh P không còn chung sống với nhau, trong thời gian đó giữa anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Nay chị nhận thấy không thể

chung sống với anh P vì không có hạnh phúc, vì vậy chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn P chung sống có được 02 con chung tên là Trần Đình Q (giới tính nam), sinh ngày 19/02/2013 và Trần Huỳnh C (giới tính nữ), sinh ngày 15/8/2017. Hiện nay các con đang ở cùng với chị và ông bà ngoại. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q và cháu C đến tuổi trưởng thành và chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Chị đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc cho anh P theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị trình bày đã tự thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

Bị đơn anh Trần Văn P *trình bày*: Năm 2011 anh và chị Danh Chành T có thời gian tìm hiểu tình cảm với nhau, sáu đó tiến tới kết hôn, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đến ngày 07/3/2011 được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2011. Anh và chị Danh Chành T luôn chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên do tính của chị T hung dữ và hay quát tháo và mắng chửi anh nên từ đó sinh ra mâu thuẫn vợ chồng với nhau, thêm nữa là chị T luôn đòi hỏi anh phải làm theo ý của chị nên xảy ra bất đồng quan điểm với nhau. Sau khi cất nhà phát sinh nợ và việc làm ăn của anh xa cơ thất thế nên không tiền cho chị T tiêu xài nên sinh ra cãi nhau, ngoài ra chị T cũng không quan tâm đến anh và bỏ anh đi lên S làm; đến nay anh và chị T đã ly thân trên 02 năm. Anh đã vài lần khuyên và kêu gọi chị T quay về chung sống nhưng chị T không chịu, đến nay anh không còn đi tìm để gọi chị về nhà. Do anh còn thương vợ con nên qua yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì thuộc vào Tòa án xem xét giải quyết.

- Về con chung: Anh và chị T chung sống có 02 con chung tên Trần Đình Q (giới tính nam), sinh ngày 19/02/2013 và Trần Huỳnh C (giới tính nữ), sinh ngày 15/8/2017. Hiện nay hai cháu sống ở cùng bên nhà bà ngoại, đến tối thì cháu Q qua nhà ngủ cùng với anh; nếu chị T cương quyết ly hôn thì tùy thuộc vào nguyện vọng của các con để xem xét.

- Về tài sản chung: Anh và chị T có căn nhà cấp 4, cất trên phần đất của cha mẹ vợ, phần tài sản này anh và chị T đều thống nhất tự thỏa thuận với nhau (ý anh P là để lại hết cho 02 con ở trên nhà này) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ anh chị và anh không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Danh Chành T xin ly hôn với anh Trần Văn P. Nơi bị đơn anh Trần Văn P đang cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Danh Chành T và anh Trần Văn P xác lập cuộc sống chung vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 07 tháng 3 năm 2011. Như vậy chị T và anh P đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T xin ly hôn đối với anh P với lý do trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do anh P thường ghen tuông vô cớ và bạo hành chị, từ đó giữa anh chị thường xuyên gây gổ với nhau, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh P không nghe. Đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng cũng không còn tình cảm và không thể nào hàn gắn được. Theo anh P thì chị T có tính hung dữ, hay quát tháo và mắng chửi anh nên từ đó sinh ra mâu thuẫn vợ chồng, hơn nữa trong cuộc sống giữa anh và chị có bất đồng quan điểm và đến nay chị T không còn quan tâm đến anh; anh và chị T đã ly thân trên 02 năm nay, nhưng vì còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị T và anh P về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng anh P không có mặt, riêng chị T vẫn cương quyết ly hôn, không thống nhất đoàn tụ với anh P.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Xét thấy chị T và anh P không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bản thân anh, chị người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, sự việc đã được hòa giải, động viên nhiều lần nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và chị T đã tỏ thái độ không còn tình cảm với anh P và cương quyết được ly hôn. Từ những phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên HĐXX có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh P có được 02 con chung tên là Trần Đình Q (giới tính nam), sinh ngày 19/02/2013 và Trần Huỳnh C (giới tính nữ), sinh ngày 15/8/2017, hiện nay hai cháu đang ở cùng với chị và ông bà ngoại. Chị T và anh P đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu Q và cháu C sống bên gia đình nhà ngoại và chị T nên về tình cảm thì hai cháu sẽ quý mến mẹ

nhiều hơn; hiện tại anh chị đều có công việc nhưng về chị T có công việc và thu nhập ổn định hơn nên việc đảm bảo nuôi con sẽ tốt hơn và để cho cháu Q và cháu C phát triển bình thường như những đứa trẻ khác, mặt khác cháu Q cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị T nên HĐXX nghĩ cần cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và cháu C là phù hợp với thực tế và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Ghi nhận ý kiến của chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung, chị T đảm bảo quyền thăm nom con của anh P theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh P đều trình bày là để tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh P cam kết anh chị không có thiếu nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị Danh Chành T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Danh Chành T được ly hôn với anh Trần Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đình Q (giới tính nam), sinh ngày 19/02/2013 và Trần Huỳnh C (giới tính nữ), sinh ngày 15/8/2017 cho chị Danh Chành T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Anh Trần Văn P không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh P thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Danh Chành T phải chịu án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000591, ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2023).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn